TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254/2022/DS - PT
Ngày: 16-12-2022
V/v: "Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Lê Tự**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2022 về "*Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06/07/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm 1953; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 07/7/2020); có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn*:** Bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thúy H2, sinh năm 1987; địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 09/5/2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H cùng ủy quyền cho ông Huỳnh T, sinh năm 1953; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 28/7/2020); có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1940; địa chỉ: tỉnh Ninh Thuận; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân thành phố N; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh N là Phó trưởng Phòng và ông Phan Đ là nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Văn phòng công chứng Trung Tâm; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Như H là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Trung Tâm; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Thúy H2, sinh năm 1987; có đơn xin xét xử văng mặt.

8. Ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1982; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông Đinh Ngọc V, sinh năm 1987; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1956; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Ngô Trúc M, sinh năm 2000; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khóm T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

**** Người kháng cáo:*** Bà Lê Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2019, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh T trình bày:

Cha mẹ của bà Lê Thị H là ông Lê B (chết năm 2017) và bà Lê Thị Q (chết năm 1965). Năm 1939, ông B chung sống với bà Võ Thị M nhưng không đăng ký kết hôn. Bà M hiện nay đã chết. Ông B và bà M có 01 người con chung là bà Trần Thị P. Năm 1941, ông B và bà M chia tay, không sống với nhau nữa. Năm 1947, ông B chung sống với bà Lê Thị Q, cũng không đăng ký kết hôn. Ông B và bà Q

có 04 người con chung gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị H. Ngoài ra, ông B và bà Q không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Khi còn sống, ông B và bà Q tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01743/22381 cho ông Lê B đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ 23 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất 114,6m^2.

Bà Q chết không để lại di chúc. Ông B chết để lại "Giấy di chúc" lập ngày 21/7/1996, nội dung cho bà Lê Thị H1 được thừa hưởng một phần thửa đất nêu trên với diện tích 38,25m^2, bắt đầu từ ngày 01/8/1996.

Trên thửa đất nêu trên có một căn nhà cấp 4 do ông B và bà Q xây dựng từ năm 1963. Năm 2016, căn nhà xuống cấp, ông B tuổi đã cao, không còn minh mẫn nên bà Trần Thị P bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà. Bà Lê Thị H1 nhận của bà P 100.000.000 đồng nhưng không sửa chữa lại căn nhà mà xây dựng thêm một căn nhà mới trên phần đất diện tích 38,25m^2 mà ông B đã lập di chúc cho bà H1.

Khi ông B chết, bà H1 tự động làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê B sang tên bà H1. Ngày 20/6/2018, Ủy ban nhân dân thành phố N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03294 cho bà Lê Thị H1 đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ 23 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất 93,1m^2.

Việc bà H1 tự ý làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ nhà đất của ông B, bà Q để lại đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người con khác của ông B, bà Q. Vì vậy, bà Lê Thị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu 02 Di chúc của ông Lê B lập ngày 21/7/1996 và Di chúc lập ngày 20/10/2014, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03294 ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho bà Lê Thị H1 và chia toàn bộ khối di sản của ông Lê B, bà Lê Thị Q để lại là thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,6m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 30m^2 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị H1 trình bày:

Cha mẹ của Bà là ông Lê B (chết năm 2017) và bà Lê Thị Q (chết năm 1965). Năm 1939, ông B chung sống với bà Võ Thị M nhưng không đăng ký kết hôn. Bà M hiện nay đã chết. Ông B và bà M có 01 người con chung là bà Trần Thị P. Năm 1941, ông B và bà M chia tay, không sống với nhau nữa. Năm 1947, ông B chung sống với bà Lê Thị Q, cũng không đăng ký kết hôn. Ông B và bà Q

có 04 người con chung gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị H. Ngoài ra, ông B và bà Q không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Nhà, đất tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa mà nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện là tài sản riêng của ông Lê B, chứ không phải tài sản chung của ông Lê B và bà Lê Thị Q. Nhà đất trên do ông B tạo lập sau khi bà Q chết. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01743/22381 cho ông Lê B đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ 23, diện tích đất 114,6m^2 tại địa chỉ nêu trên.

Nhà, đất tại số 8B đường P do ông Lê B tạo lập gồm hai phần:

- Phần thứ nhất thuộc thửa đất số 377, tờ bản đồ 23, diện tích đất 114,6m^2:

Trong diện tích đất nêu trên, có 93,1m^2 là đất ở, diện tích còn lại tạm sử dụng là 21,5m^2. Ông Lê B đã lập Di chúc ngày 20/10/2014 cho Bà thừa hưởng toàn bộ phần nhà đất này.

Sau khi ông B chết, Bà đã làm thủ tục hưởng thừa kế theo di chúc và được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03294 ngày 20/6/2018. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà, nhà nước đã bỏ 21,5m^2 đất tạm sử dụng ra ngoài nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Bà được cấp thì diện tích đất chỉ còn 93,1m^2.

Tuy trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông B và cấp cho Bà đều không ghi nhận phần nhà nhưng thực tế, trên diện tích đất hiện đang tranh chấp có một căn nhà cũ của ông Lê B để lại. Khi ông B còn sống, gia đình có xin giấy phép xây cất lại nhà mới cho ông B ở nhưng chưa kịp xây nhà thì ông B đã chết.

Trước đó, bà Trần Thị P có cho vợ chồng Bà mượn 100.000.000 đồng. Khi đưa tiền, bà P viết giấy giao hẹn khi ông Lê Văn T cất lại nhà từ đường thì vợ chồng Bà phải đưa số tiền này cho ông T. Do chưa cất nhà thì ông B đã chết nên Bà đã trả cho bà P 50.000.000 đồng ngày 29/4/2018, hiện tại Bà còn nợ bà P 50.000.000 đồng. Việc mượn tiền này là việc riêng giữa vợ chồng Bà với bà P, không liên quan đến vụ án tranh chấp tài sản thừa kế hiện nay.

Như vậy, thửa đất số 377 tờ bản đồ số 23 phường V là tài sản riêng của ông Lê B và ông B đã lập di chúc cho Bà nên thửa đất này là tài sản hợp pháp của Bà.

- Phần thứ hai thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ 23:

Phần đất này nguồn gốc do ông Lê B tạo lập. Ngày 21/7/1996, ông B đã lập "Giấy di chúc", cho Bà phần đất này với diện tích 38,25m^2, Bà được thừa hưởng lô đất trên từ ngày 01/8/1996. Giấy di chúc có xác nhận của ông Lê Văn T. Vì ông B đã cho Bà phần đất nêu trên nên khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B đã thống nhất với Bà là ông B trừ phần đất đã cho Bà

và chỉ xin cấp giấy chứng nhận đối với phần đất còn lại của ông B với diện tích 114,6m^2. Hiện nay, phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2016, Bà cất một căn nhà cho gia đình Bà ở trên phần đất này. Khi Bà xây nhà thì ông B còn sống và các anh chị em trong gia đình không có tranh chấp gì.

Như vậy, phần đất này ông Lê B đã cho Bà từ ngày 01/8/1996 và căn nhà trên đất là do Bà bỏ riền ra xây cất nên toàn bộ phần nhà đất này là tài sản hợp pháp của Bà.

Mẹ của Bà chết từ lâu, các anh chị em khác của Bà đều ở xa, riêng Bà vẫn ở với ông B, chăm sóc ông B đến khi ông B chết. "Giấy di chúc" năm 1996, ông B nêu "*để có điều kiện chăm sóc bản thân những năm tháng tuổi già*", nghĩa là hoàn cảnh kinh tế của ông B khó khăn nên ông B cho Bà đứt đoạn một phần đất thuộc thửa số 376 theo "Giấy di chúc" năm 1996 để Bà chăm sóc, nuôi dưỡng ông B. Đối với diện tích đất thuộc thửa số 377 thì ông B cũng lập di chúc cho Bà thừa hưởng sau khi ông B chết. Ông B quyết định cho Bà phần đất tại thửa đất số 376 vào năm 1996 và lập di chúc cho Bà thừa hưởng thửa 377 năm 2014 là do ông B thấy Bà là người con gắn bó với ông B và chăm sóc ông B những năm tháng tuổi già.

Từ những lập luận trên, Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Bà có yêu cầu sau:

- Nếu có căn cứ xác định nhà đất tranh chấp là tài sản chung của ông Lê B và bà Lê Thị Q thì Bà đề nghị giao phần tài sản của ông B cho Bà, vì khi còn sống, ông B đã lập di chúc cho Bà thừa hưởng phần tài sản của ông B. Đối với phần tài sản của bà Q, Bà đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Đề nghị thanh toán cho Bà công sức Bà đã chăm sóc, nuôi dưỡng ông Lê B và công sức Bà bảo quản, giữ gìn di sản, tương ứng 20% giá trị tài sản tranh chấp.

- Để đảm bảo ổn định cuộc sống, Bà đề nghị được nhận toàn bộ nhà đất tranh chấp và Bà sẽ thanh toán lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H trình bày*:

Ông, Bà thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H.

- *Bà Trần Thị P trình bày*:

Bà là con ruột của ông Lê B (chết năm 2017) và bà Võ Thị M. Ông B và bà M chỉ có 01 người con chung là Bà. Sau khi sinh Bà thì ông B và bà M chia tay, Bà sống cùng với bà M. Sau khi chia tay, ông B lập gia đình với bà Lê Thị Q

(chết năm 1965), bà M lập gia đình với ông Trần Văn Anh, bà M đổi họ của Bà theo họ của ông Trần Văn Anh. Bà không có giấy khai sinh, từ trước đến nay chỉ sử dụng giấy tùy thân là chứng minh nhân dân. Ông B và bà Q có 04 người con chung gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị H.

Di sản mà ông B và bà Q để lại là 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 30m^2, trên thửa đất diện tích 114,6m^2 thuộc thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại số 8B đường P, Tổ 6, khóm T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay, tài sản này đang do bà Lê Thị H1 quản lý, sử dụng.

Ông B và bà Q chết có để lại di chúc hay không thì Bà không rõ vì Bà không sống tại nhà đất tranh chấp.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, Bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà đề nghị Tòa án nhập kỷ phần thừa kế mà Bà được hưởng vào khối di sản chung để chia đều cho các đồng thừa kế khác. Bà cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền Bà đã bỏ ra để xây sửa nhà.

- *Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày*:

Năm 2012, ông Lê B đăng ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, phường V, thành phố N và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01743/22381 ngày 30/6/2014 cho ông Lê B với diện tích 114,6m^2 (trong đó: 93,1m^2 đất ở đô thị; 21,5m^2 đất tạm sử dụng), với nguồn gốc đất: Đất do ông Lê B khai hoang trước năm 1976.

Đến năm 2017, ông Lê B chết, bà Lê Thị H1 đăng ký thủ tục nhận thừa kế toàn bộ thửa đất nêu trên theo Di chúc ngày 20/10/2014.

Ngày 17/4/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố N có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 3565/PCTTĐC gửi Chi cục thuế N. Ngày 04/5/2017, Chi cục thuế N có Văn bản số 6042/CCT-TB về việc trả hồ sơ với lý do trường hợp trên không phát sinh nghĩa vụ tài chính.

Do vậy, ngày 16/5/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố N đã chỉnh lý sang tên cho bà Lê Thị H1 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng theo trình tự thủ tục.

Đến năm 2018, bà Lê Thị H1 làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03294 ngày 20/6/2018 cho bà Lê Thị H1 tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Văn phòng công chứng Trung Tâm và công chứng viên Nguyễn Thị Như H trình bày*:

Ngày 20/10/2014, ông Lê B và người làm chứng ông Lê Văn Lẽ đã đến Văn phòng công chứng Trung Tâm, yêu cầu lập Di chúc đối với phần tài sản của ông Lê B là quyền sử dụng thửa đất tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Yêu cầu lập di chúc của ông Lê B hoàn toàn chính đáng và đúng pháp luật, do đó Văn phòng công chứng đã lập di chúc cho ông Lê B.

Ông Lê B đã xuất trình đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu của Văn phòng công chứng là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01743/22381 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 30/6/2014 đứng tên ông Lê B; Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông Lê B.

Do ông Lê B không biết chữ nên Văn phòng công chứng yêu cầu phải có người làm chứng và ông B đã đưa người làm chứng là ông Lê Văn Lẽ. Ông Lẽ đã đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho ông Lê B nghe, công chứng viên đã giải thích ý nghĩa pháp lý cho ông Lê B biết là ông có quyền thay đổi di chúc bất cứ lúc nào nếu muốn, ông Lê B đã hiểu và tự nguyện lăn tay vào di chúc trước mặt nhân chứng và công chứng viên, sau đó nhân chứng ký tên xác nhận.

Tại thời điểm lập di chúc, chứng minh nhân dân của ông Lê B đã hết hạn sử dụng theo quy định nhưng do ông B đã quá lớn tuổi nên Văn phòng công chứng chấp nhận chứng minh nhân dân của ông B, chứng nhận di chúc của ông B.

Do đó, khi lập di chúc của ông Lê B, Văn phòng công chứng Trung Tâm hoàn toàn khách quan, thực hiện đúng quy định pháp luật.

- *Bà Lê Thị Thúy H2, ông Đinh Ngọc H, ông Đinh Ngọc V trình bày*:

Vợ chồng ông H bà H2 là con trai, con dâu của bà Lê Thị H1, ông V là con trai của bà Lê Thị H1. Các ông, bà cùng con là Đinh Ngọc Hân (sinh năm 2018) hiện đang sống tại nhà đất tranh chấp ở số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình sinh sống, các ông, bà không đầu tư, sửa chữa gì đối với nhà đất tranh chấp. Vì vậy, các ông, bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Ông Đinh Văn T, chị Ngô Trúc M trình bày*:

Ông T là chồng của bà Lê Thị H1. Chị M là cháu ngoại của bà Lê Thị H1. Ông B và bà Q có 04 người con chung gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị H. Ngoài ra, ông B còn có 01 người con riêng là bà Trần Thị P. Bà Q chết không để lại di sản. Ông B chết để lại di sản là nhà đất tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay, nhà đất này đang do bà Lê Thị H1 sử dụng. Bà Q chết không để lại di chúc, ông B có để lại di chúc.

Ông T, chị M không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của bà Lê Thị H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06/07/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

1. Áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc của ông Lê B lập ngày 21/7/1996 vô hiệu.

2. Áp dụng Điều 648, Điều 650, Điều 653, Điều 657, Điều 658, Điều 667, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

- Tuyên bố Di chúc của ông Lê B lập ngày 20/10/2014 vô hiệu đối với phần tài sản thừa kế của bà Lê Thị Q.

Chia thừa kế tài sản của bà Lê Thị Q là 1/2 giá trị quyền sử dụng thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,6m^2, 1/2 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo pháp luật cho ông Lê B, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2 và bà Lê Thị H.

Chia thừa kế tài sản của ông Lê B theo phần có hiệu lực của Di chúc lập ngày 20/10/2014 cho bà Lê Thị H2.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 03294 ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho bà Lê Thị H1.

2.2 Giá trị phần tài sản thừa kế mỗi người thừa kế của ông Lê B và bà Lê Thị Q được nhận, cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị H được nhận 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

- Ông Lê Văn T được nhận 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

- Bà Lê Thị H1 được nhận 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

- Bà Lê Thị H2 được nhận 1.445.864.600 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi năm triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm đồng).

2. 3. Chia hiện vật:

Chia cho bà Lê Thị H2 toàn bộ thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,9m^2. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2; tường rào đá chẻ, kết hợp dây thép gai, dài 14,6m (tài sản chung của ông Lê B và bà Lê Thị Q); 01 nhà dưới tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, cửa đi và cửa

sổ bằng gỗ, diện tích 26,1m^2; mái che lợp tôn, đà sắt, nền láng xi măng, diện tích 9,4m2; sân láng xi măng, diện tích 37,8m2; nhà vệ sinh, tường xây gạch, mái tôn, cửa tôn sắt, diện tích 2,4m^2; nhà tắm, tường xây gạch, nền gạch men, mái tôn, cửa sắt, diện tích 2,4m^2 (tài sản của gia đình bà Lê Thị H2) cho bà Lê Thị H2 được sở hữu và sử dụng (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. 4. Về thanh toán giá trị tài sản thừa kế:

Bà Lê Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế sau:

- Thanh toán cho bà Lê Thị H 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng);

- Thanh toán cho Lê Văn T 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng);

- Thanh toán cho bà Lê Thị H1 289.188.700 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

2.5. Thanh toán chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá:

Các bà Lê Thị H2, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H1, mỗi người phải thanh toán lại cho bà Lê Thị H 2.436.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2022, TAND tỉnh Khánh Hòa nhận đơn kháng cáo đề ngày 27/7/2022 của bị đơn bà Lê Thị H1 với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H1 và đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm; trường hợp bà Lê Thị H2 không nhận nhà và đất thì nguyên đơn và các đồng thừa kế xin nhận toàn bộ nhà và đất và sẽ thối trả giá trị cho bà Lê Thị H1.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết vụ án. Về nội dung: Đối với diện tích 25m^2 đất chưa được giao nhưng Tòa án cấp sơ thẩm định giá toàn bộ diện tích 114,6m^2 đất là không đúng, phần kỹ phần mà ông B được hưởng từ bà Q đã di chúc để lại bà H1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đem chia là không đúng; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H1 sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tả tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lô đất có diện tích 171m^2 trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòalà tài sản chung của ôngLê B và bà Lê Thị Q. Ngày 21/7/1996, ông Lê B lập Giấy di chúc cho bà Lê Thị H2 38,25m^2 (nay là thửa đất số 376, tờ bản đồ số 23) thuộc một phần thửa đất nêu trên. Phần đất còn lại (thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23) có diện tích 114,6m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2, ông Lê B lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 30/6/2014, ông Lê B được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN CH01743/22381 ngày 30/6/2014 đối với thửa đất nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1, thấy:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H, rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc của ông Lê B lập ngày 21/7/1996 vô hiệu, Tòa án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc của ông Lê B lập ngày 21/7/1996 vô hiệu là có căn cứ. Nguyên đơn và các đương sự chỉ tranh chấp yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,6m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2 của ông Lê B được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN CH01743/22381 ngày 30/6/2014 tại số 8B đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

[2.2] Bà Lê Thị Q chết ngày 29/4/1965 không để lại di chúc. Ông Lê B chết ngày 25/01/2017. Trước khi chết, ngày 20/10/2014, ông Lê B lập Di chúc, có nội dung: Ông Lê B để lại toàn bộ thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,6m^2 tại địa chỉ: Số 8B P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cùng căn nhà một tầng, tường gạch, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 44m^2 cho con gái tôi là bà Lê Thị H2. Di chúc được Văn phòng Công chứng Trung Tâm chứng nhận cùng ngày (Số công chứng 10761, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD), có người làm chứng ông Lê Văn L xác nhận. Di chúc của ông Lê B lập ngày 20/10/2014 định đoạt cả phần tài sản của bà Lê Thị Q, nên di chúc của ông Lê B bị vô hiệu đối với phần tài sản thừa kế của bà Lê Thị Q. Tòa án sơ thẩm chia thừa kế tài sản của ông Lê B theo di chúc, chia thừa kế tài sản của bà Lê Thị Q theo pháp luật là có căn cứ.

[2.3] Bị đơn bà Lê Thị H1 kháng cáo cho rằng diện tích đất tại thửa 377 chỉ 111 m2, nhưng theo GCNQSDĐ do UBND thành phố N cấp cho ông B và theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ ngày 25 tháng 8 năm 2020, xác

định: Thửa đất số 377, tờ bản đồ số 23, có diện tích 114,6m^2. Bà H1 còn kháng cáo cho rằng giá trị định giá là quá cao và yêu cầu chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Xét thấy Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xác định giá trị tài sản tranh chấp theo đúng pháp luật quy định bà H1 có tham gia nhưng không có ý kiến phản đối. Nhà, đất tranh chấp hiện nay do gia đình bà Lê Thị H2 đang quản lý. Tài sản trên đất, ngoài ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 36,9m^2 là tài sản của ông Lê B và bà Lê Thị Q để lại, gia đình bà Lê Thị H2 còn xây dựng phần nhà dưới, nhà tắm, nhà vệ sinh và các công trình xây dựng khác,việc chia theo hiện vật đối với các kỹ phần thừa kế (mỗi kỹ phần tương đương gia trị 289.188.700 đồng *(Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng)* là không thể thực hiện được; Tòa án sơ thẩm đã giao nhà, đất tranh chấp cho bà Lê Thị H2, bà Lê Thị H2 phải thanh toán giá trị phần tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác là có cơ sở và có lợi cho bà H1. Ông Lê B đã lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản của Ông cho bà Lê Thị H2 và ông Lê B chết năm 2017, tại thời điểm ông B lập di chúc (ngày 20/10/2014) thì phần tài sản của ông B được hưởng của bà Q chưa chia nên không có căn cứ để xác định tài sản của ông B được hưởng kỹ phần thừa kế của bà Q. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H2 về thanh toán công sức chăm sóc, nuôi dưỡng ông Lê B và công sức bảo quản, giữ gìn di sản, tương ứng 20% giá trị tài sản tranh chấp và chia thừa kế phần di sản của bà Q theo pháp luật là có căn cứ. Do đã giao cho bà H2 toàn bộ nhà đất tranh chấp nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03294 ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho bà Lê Thị H1. Do đó không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1 giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miên, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1 và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06/07/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị hải phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc

thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0009967 ngày 26/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lê Thị H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II – TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khánh Hòa;
- Cục THADS Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn